



1978 và có 03 con: Con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

**3. Trần Thị C**, sinh năm 1972; nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn L, sinh năm 1945 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1946; có chồng là Trần Văn G, sinh năm 1969 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

- **Người bào chữa theo chỉ định của Tòa án cho bị cáo Trần Thị H:** Luật sư Trần Trọng Thao thuộc đoàn Luật sư tỉnh Hà Nam. Có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Q và Trần Thị C:** Luật sư Tổng Chí Cường - Văn phòng luật sư Tổng, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

- **Bị hại có kháng cáo:** Ông Ngô Trường S, sinh năm 1962; địa chỉ: Số nhà 197 đường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

*Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại là bà Lê Thị H, bà Trần Thị H, bà Đỗ Thị Th không có kháng cáo.*

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/10/2019, thông qua mạng Intrenet H đã liên hệ với một người nam giới (không xác định được lai lịch), đề đặt làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, với giá thỏa thuận là 5 triệu đồng/01 GCNQSDĐ. Qua mạng Zalo, H đặt làm giả 02 GCNQSDĐ với giá 10 triệu đồng, đồng thời cung cấp hình ảnh GCNQSDĐ số BK840340 thửa đất số 11, tờ bản đồ số 5, địa chỉ phường Minh Khai, thành phố P mang tên ông Trần Quang Hưng; GCNQSDĐ số CR176065 thửa đất số 256, tờ bản đồ số 8, địa chỉ L, thành phố P mang tên ông Phạm Đức K cùng thông tin của bản thân và chồng H là anh Dương Văn Đ, sinh năm 1966 để làm giả 02 GCNQSDĐ nêu trên. Sau đó H ra ngân hàng chuyển khoản số tiền 10 triệu đồng vào số tài khoản ngân hàng cho người nhận làm giả GCNQSDĐ cung cấp. Khoảng 02 ngày sau H nhận được hai GCNQSDĐ giả của hai thửa đất trên.

Kết quả điều tra xác định H đã thực hiện hoàn thành 06 hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại như sau:

- Ngày 25/10/2019, H thế chấp GCNQSDĐ giả số BK840340 (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 5, địa chỉ phường Minh Khai, thành phố P mang tên ông Trần Quang H cho bà Lê Thị H, sinh năm 1969, trú tại số nhà 57, ngõ 144 đường L, thuộc tổ 4, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam để vay số tiền 500 triệu đồng và viết giấy vay tiền có nội dung: “Ngày 25/10/2019, Trần Thị H vay Lê Thị H số tiền 500 triệu đồng để lại một sổ đỏ mang tên Trần Quang H là em trai, thửa số

11, tờ bản đồ số 5, diện tích 105,8m<sup>2</sup>, phường Minh Khai, đường Châu Cầu” đưa cho bà Hoa cất giữ.

- Ngày 04/11/2019, H thế chấp GCNQSDĐ giả số CR176065, thửa đất số 256, tờ bản đồ số 8, địa chỉ Mễ Nội, Liêm Chính, thành phố P mang tên ông Dương Văn Đ và bà Trần Thị H cho chị Trần Thị H, sinh năm 1978, trú tại tổ dân phố H, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam để vay số tiền 500 triệu đồng và viết giấy vay tiền có nội dung: “Ngày 04/11/2019, Trần Thị H vay Trần Thị H số tiền 500 triệu đồng để lại số 90m<sup>2</sup>.156 tờ 8, Liêm Chính” sau đó đưa cho chị Hoa cất giữ.

- Ngày 12/3/2020, H đến nhà vợ chồng ông S, bà Th để đưa ra thông tin không có thật: “Chủ căn nhà số 195 đường Biên Hòa đang giao bán với giá 7,3 tỷ đồng, H đã tìm được khách mua lại với giá 8,3 tỷ đồng, khách đã đặt cọc cho H số tiền là 2,6 tỷ đồng”, H rủ ông S chung tiền mua nhà này rồi bán lại cho khách để kiếm lời. Ông S đồng ý góp 2,4 tỷ đồng để cùng H mua căn nhà số 195 đường Biên Hòa nhưng yêu cầu được gặp chủ nhà thì mới giao tiền. H tiếp tục nói với vợ chồng ông S, bà Th: “Chủ nhà số 195 đường Biên Hòa có ba anh em, người anh cả đang ở tại nhà này, hai người em đang làm ăn ở Thái Nguyên. Nếu bán nhà số 195 đường Biên Hòa được 7,3 tỷ đồng thì người anh cả sẽ được hưởng 4,3 tỷ đồng, 2 người em được hưởng 3 tỷ đồng”. Sau khi từ nhà ông S về, H nghĩ đến việc tìm người đóng giả chủ căn nhà số 195 đường Biên Hòa để vợ chồng ông S tin tưởng giao tiền. Khoảng 16 giờ ngày 13/3/2020, H nhờ anh D chở H đến nhà Nguyễn Văn Q, H nói với Q: “Người C tiền mua nhà với em muốn gặp chủ nhà, em nhờ anh đóng giả là chủ nhà, là anh em ruột với chủ nhà. Anh lên nhà em, em giới thiệu anh là anh em ruột với chủ nhà, nếu người ta đưa tiền thì anh cứ nhận lấy hộ em”. Q đồng ý giúp H. Sau đó D chở H và Q đến nhà Trần Thị C, nói với C: “Em nhờ anh Q rồi, giờ nhờ chị, có người chung tiền mua nhà với em ở đường Biên Hòa muốn gặp chủ nhà, em nhờ chị và anh Q đóng giả là anh em ruột với chủ nhà gặp họ. Nếu họ đưa tiền thì nhận lấy hộ em”. C đồng ý giúp H nên đã lên xe ô tô cùng Q đi về nhà H. Trên xe ô tô, H dặn Q và C với nội dung: “Chủ nhà là 3 anh em ruột, giờ anh chị đóng giả là anh em ruột với chủ nhà từ Thái Nguyên về nghỉ tranh thủ bán nhà. Nếu người ta đưa tiền thì cứ nhận lấy hộ em”. Tại phòng khách nhà H, H tiếp tục dặn Q và C: “Anh chị cứ đóng giả là chủ nhà, khi người ta đưa tiền thì cứ nhận lấy hộ em”. Sau đó, H liên hệ với ông S qua điện thoại di động và nói H đang ở nhà, cả chủ nhà số 195 đường Biên Hòa cũng đang ở nhà H. Khoảng 5 đến 10 phút sau, ông S và bà Th mang theo số tiền hai tỷ đồng đến nhà H, tại phòng khách có H, Q, C, ông S và bà Th, H giới thiệu cho ông S, bà Th biết Q và C là anh em với chủ nhà số 195 đường Biên Hòa. Sau khi nói chuyện, ông S lấy số tiền hai tỷ đồng được đựng trong túi màu vàng nhạt để lên mặt bàn uống nước rồi lấy tiền ra đây về phía Q và C rồi nói: “Đếm tiền đi”. Q và C cầm và cùng ngồi đếm tiền. Lúc này, ông S dùng điện thoại di động chụp ảnh Q và C đang đếm tiền. Sau khi đếm tiền xong, ông S yêu cầu phải viết giấy nhận tiền. H lấy bút và xé 01 tờ giấy ở trong quyển vở gần vị trí H ngồi để đưa cho Q viết giấy nhận tiền nhưng do tờ giấy xé bị nham nhở nên bà Th đã lấy tờ giấy vay tiền khổ A4 (mẫu

in sẵn) của mình đưa cho H để Q viết giấy nhận tiền vào mặt sau. H đưa bút và tờ giấy này cho Q để Q viết giấy nhận tiền có nội dung: “Ngày 13/3/2020 Chúng tôi gồm 3 anh em đã nhận số tiền của cô Trần Thị H, số chứng minh 168488247, số tiền là 3 tỷ” rồi ký tên T. Lành, Trần Văn Lành vào dưới nội dung nhận tiền, tiếp đó Q đưa giấy nhận tiền này cho C để C viết “Trần Thị C” vào bên dưới chữ “Trần Văn Lành”. Sau đó H cầm giấy nhận tiền xem thì thấy thiếu nội dung nên đã đưa lại cho Q và đọc nội dung: “đã nhận 1 tỷ chuyển khoản” để Q viết thêm vào phần nội dung của giấy nhận tiền ngày 13/3/2020. H cầm giấy nhận tiền đưa cho bà Th xem, bà Th xem xong thì trả lại giấy nhận tiền này cho H và nói: “Chị em mình tính toán với nhau sau”. Q cầm 2 tỷ đồng vừa nhận của ông S rồi cùng C đi về trước, một lúc sau vợ chồng ông S, bà Đỗ Thị Thoa cũng đi về.

Khoảng 20 giờ ngày 13/3/2020, H đến nhà ông S để viết giấy vay tiền có nội dung: “Ngày 13/3/2020 H vay ông S số tiền 2,4 tỷ đồng là tiền cùng buôn đất BH” rồi đưa lại cho ông S giấy vay tiền này. Sau khi viết giấy vay tiền ngày 13/3/2020 tại nhà ông S xong thì H đi về và liên hệ với Q qua điện thoại di động để hỏi lấy lại số tiền 2 tỷ đồng của ông S thì được Q cho biết Q không có nhà, tiền Q đã đưa cho C giữ. Sau đó H đến nhà C và được C đưa cho số tiền 2 tỷ đồng. H không sử dụng để mua nhà số 195 đường Biên Hòa mà sử dụng cá nhân hết, Q và C không được hưởng lợi trong số tiền trên.

- Ngày 20/3/2020, Trần Thị H đưa ra các thông tin không có thật và rủ ông Ngô Trường S cùng mua căn nhà số 33, ngõ 156 đường L rồi chiếm đoạt của ông S số tiền 3 tỷ đồng.

- Ngày 25/3/2020, H tiếp tục đưa ra thông tin về việc chủ nhà số 51 phố T, thành phố P muốn bán rồi thuê một người thanh niên (không xác định được lai lịch) đóng giả là chủ nhà để ông S tin tưởng đồng ý giao tiền rồi chiếm đoạt của ông S số tiền 1 tỷ 400 triệu đồng.

- Ngày 26/3/2020, H đưa ra thông tin không có thật về thửa đất ở mặt đường 42m thuộc phường L, thành phố P, rủ ông S góp tiền mua C rồi chiếm đoạt của ông S số tiền 800 triệu đồng.

Ngày 06/8/2020, Trần Thị H đã đến Công an tỉnh Hà Nam đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu trên.

Vật chứng, tài liệu đã thu giữ: Quá trình điều tra vụ án, ngày 04 và 19/5/2020 ông Ngô Trường S tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 03 bức ảnh chụp ký hiệu số 01, 02, 03; Giấy vay tiền đề ngày 13/3/2020 (ký hiệu A 31); Giấy vay tiền đề ngày 20/3/2020 (ký hiệu A32); Giấy vay tiền đề ngày 25/3/2020 (ký hiệu A33); Giấy vay tiền đề ngày 26/3/2020 (ký hiệu A34); Giấy nhận tiền đề ngày 13/3/2020 (ký hiệu A40). Ngày 25 và 28/5/2020, Chị Trần Thị Hoa giao nộp Giấy vay tiền đề ngày 04/11/2019 (ký hiệu A39) và GCNQSDĐ số CR 176065 (Ký hiệu A2). Ngày 19/5/2020, Chị Lê Thị Hoa giao nộp Giấy vay tiền đề ngày 25/10/2019 (ký hiệu A24), GCNQSDĐ số BK840340 (ký hiệu A1). Ngày 6/5/2020, chị Nguyễn Thị Th giao nộp Giấy đặt cọc ghi ngày 25/3/2020. Ngày 26/10/2020, Nguyễn Văn Q giao nộp chiếc điện thoại di động



nhãn hiệu VIVO Y31 không có sim được niêm phong trong bì thư dán kín có chữ Bộ Công an, Công an tỉnh Hà Nam và Chứng minh thư nhân dân số 168488247.

Tại bản Kết luận giám định số 15/PC09-TL ngày 23/6/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Nam kết luận: *02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK840340 và số CR176065 gửi giám định ký hiệu A1 và A2 là giả.*

Tại bản Kết luận giám định số 17/PC09-TL ngày 10/7/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Nam kết luận: *Chữ ký đứng tên Trần Thị H và chữ viết nội dung “Trần Thị H” tại mục “Người vay và nhận đủ tiền”, “Người nhận tiền”, “Người vay tiền”, “Bên vay tiền”, “Bên vay tiền ký nhận tiền”, “Người vay tiền và đã nhận đủ tiền”, “Đại diện bên A”, “Đã nhận tiền đầy đủ” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A24, A31, A32, A33, A34, A39, so với chữ ký, chữ viết của Trần Thị H do cùng một người ký, viết ra. Phần nội dung trên tài liệu cần giám định ký hiệu A24, A31, A32, A33, A34, A39 không bị tẩy xóa.*

Tại bản Kết luận giám định số 29/PC09-TL ngày 11/10/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Nam kết luận: *Chữ viết phần nội dung trên tài liệu giám định ký hiệu A40 không bị tẩy xóa, sửa chữa; Chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu A40 so với chữ viết của Nguyễn Văn Q do cùng một người viết ra; Chữ viết nội dung “Trần Thị C” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A40 so với chữ viết của Trần Thị C do cùng một người viết ra.*

Ngày 06/10/2020, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh đã ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung số 07/VPCQCSĐT gửi Viện khoa học hình sự - Bộ Công an giám định chữ viết phần nội dung trên các Giấy vay tiền ngày 13/3/2020 (ký hiệu A31), Giấy vay tiền ngày 20/3/2020 (ký hiệu A32), Giấy vay tiền ngày 25/3/2020 (ký hiệu A33), Giấy vay tiền ngày 26/3/2020 (ký hiệu A34), Giấy vay tiền ngày 04/11/2019 (ký hiệu A39) và số 08/VPCQCSĐT gửi Viện khoa học hình sự - Bộ Công an giám định chữ viết phần nội dung trên Giấy vay tiền đề ngày 25/10/2019 (ký hiệu A24) so với chữ viết của Trần Thị H có phải do cùng một người viết ra không. Tại bản Kết luận giám định số 6960/C09-P5 và 6961/C09-P5 cùng ngày 20/11/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: *Chữ viết phần nội dung trên các mẫu cần giám định so với chữ viết của Trần Thị H do cùng một người viết ra.*

Ngày 14/12/2020, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh đã ra Quyết định trưng cầu giám định gửi Viện khoa học hình sự - Bộ Công an về giám định giọng nói. Tại bản Kết luận giám định số 9019/C09-P6 ngày 28/01/2021 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: *Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các tệp âm thanh cần giám định; Tiếng nói của người phụ nữ tự xưng là “em” trong tệp âm thanh cần giám định và tiếng nói của Trần Thị Hoa là cùng một người; Tiếng nói của người phụ nữ được gọi là “chị” trong tệp âm thanh cần giám định và tiếng nói của Trần Thị H là cùng một người. Nội dung cuộc hội thoại trong tệp âm thanh gửi giám định phù hợp với lời khai của H, Q về nội dung giấy biên nhận tiền ngày 13/3/2020.*

Về trách nhiệm dân sự: Ông Ngô Trường S cùng vợ là bà Đỗ Thị Th yêu cầu Trần Thị H hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt là 7 tỷ 200 triệu đồng; chị Trần Thị H yêu cầu Trần Thị H hoàn trả số tiền 500 triệu đồng; Bà Lê Thị H yêu cầu Trần Thị H hoàn trả số tiền 500 triệu đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2021/HSST ngày 26 tháng 7 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174; điểm b khoản 3, khoản 4 Điều 341; Điều 17 đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Điều 38; Điều 50; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Thị H.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 17; Điều 38; Điều 50; khoản 2 Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Q và Trần Thị C; điểm x khoản 1, khoản 2 Điều 51BLHS đối với bị cáo Q.

Tuyên bố bị cáo Trần Thị H phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội: “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Q và Trần Thị C phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Trần Thị H 19 (mười chín) năm tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 04 (bốn) năm về tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Thị H phải chấp hành hình phạt chung là 23 (hai mươi ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/08/2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 09 (chín) năm tù, bị cáo Trần Thị C 09 (chín) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Thị H 35.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

2. Về trách nhiệm dân sự. Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 122, 131, 166 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Trần Thị H trả lại: Ông Ngô Trường S và bà Đỗ Thị Th số tiền 7.200.000.000 đồng; bà Lê Thị H số tiền 500.000.000 đồng; bà Trần Thị H số tiền 500.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải hoàn trả nêu trên, hàng tháng người phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ trong trường hợp chậm thực hiện trách nhiệm dân sự, quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/8/2021, bị hại là ông Ngô Trường S kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo; ngày 08/8/2021, bị cáo Nguyễn Văn Q có đơn kháng

cáo với nội dung kêu oan; ngày 09/8/2021, bị cáo Trần Thị C kháng cáo với nội dung kêu oan. Ngày 09/8/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS-P2 yêu cầu tăng hình phạt với 02 bị cáo Nguyễn Văn Q và Trần Thị C.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân giữ nguyên quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS-P2 ngày 09/8/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam;

- Bị cáo Trần Thị C giữ nguyên kháng cáo kêu oan; bị cáo Nguyễn Văn Q sức khỏe yếu, không khai báo;

- Bị hại Ngô Trường S giữ nguyên kháng cáo tăng hình phạt với cả ba bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Đối với bị cáo Trần Thị H: Mức án 19 (mười chín) năm tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 04 (bốn) năm về tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Thị H phải chấp hành hình phạt chung là 23 (hai mươi ba) năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng với bị cáo là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại Ngô Trường S về việc tăng hình phạt với bị cáo H;

+ Đối với 02 bị cáo Trần Thị C và Nguyễn Văn Q: Bị cáo Q chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo C không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử cả 02 bị cáo mức hình phạt 09 năm tù - dưới mức thấp nhất quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS-P2 ngày 09/8/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam và một phần kháng cáo của bị hại Ngô Trường S về việc tăng hình phạt với bị cáo Trần Thị C và Nguyễn Văn Q.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị H nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội với bị cáo Trần Thị H, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị C và Nguyễn Văn Q cho rằng: Việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Q trong khi bị cáo có bệnh án tâm thần là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Trong vụ án này bị cáo Q và C nhận tiền của bị cáo H thể hiện qua việc viết “Biên nhận là nhận tiền của bị cáo H” nên không phạm tội lừa đảo với bị hại S, hai bị cáo bị oan. Trường hợp Tòa án xác định hai bị cáo có tội thì đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ nhân thân của 02 bị cáo đều là người lao động nhất thời phạm tội, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo Q là con liệt sỹ, là người có bệnh (tại phiên tòa

phức thẩm cũng thể hiện bị cáo không tự chủ, không khai báo được) nên hạn chế về nhận thức và hành vi, trong vụ án này hai bị cáo Trần Thị C và Nguyễn Văn Q không được hưởng lợi để giảm nhẹ cho hai bị cáo một phần hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo và bị hại, Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam với vụ án đúng chủ thể, trong thời hạn, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 331, 332, 333, 336, 337 Bộ luật Tố tụng Hình sự nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[3] Về nội dung:

[3.1] Lời khai nhận của bị cáo Trần Thị H tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị cáo và 02 bị cáo: Nguyễn Văn Q, Trần Thị C tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người làm chứng, biên bản đối chất, phù hợp với vật chứng thu giữ là các giấy nhận tiền, kết luận giám định. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Trong giai đoạn từ 25/10/2019 đến 26/3/2020 bị cáo Trần Thị H đã có 06 hành vi lừa đảo, chiếm đoạt tài sản của các bị hại, cụ thể như sau:

(1) Ngày 25/10/2019, Trần Thị H sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt: GCNQSDĐ) giả số BK 840340 để vay rồi chiếm đoạt của bà Lê Thị Hoa ở số nhà 57, ngõ 144 đường Lê Công Thanh, phường Trần Hưng Đạo, thành phố P, tỉnh Hà Nam số tiền 500 triệu đồng.

(2) Ngày 04/11/2019, Trần Thị H sử dụng GCNQSDĐ giả số CR 176065 để vay rồi chiếm đoạt của chị Trần Thị Hoa, trú tại tổ dân phố Hồng Phú, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam số tiền 500 triệu đồng.

(3) Ngày 12/3/2020, H đến nhà vợ chồng ông S, bà Th để đưa ra thông tin không có thật: “Chủ căn nhà số 195 đường Biên Hòa đang giao bán với giá 7,3 tỷ đồng, H đã tìm được khách mua lại với giá 8,3 tỷ đồng, khách đã đặt cọc cho H số tiền là 2,6 tỷ đồng”, H rủ ông S C tiền mua nhà này rồi bán lại cho khách để kiếm lời. Ông S đồng ý góp 2,4 tỷ đồng để cùng H mua căn nhà số 195 đường Biên Hòa nhưng ông S muốn gặp chủ nhà thì mới giao tiền. H tiếp tục nói với vợ chồng ông S, bà Th: “Chủ nhà số 195 đường Biên Hòa có 3 anh em, người anh cả đang ở tại nhà này, 2 người em đang làm ăn ở Thái Nguyên. Nếu bán nhà số 195 đường Biên Hòa được 7,3 tỷ đồng thì người anh cả sẽ được hưởng 4,3 tỷ đồng, hai người em được hưởng 3 tỷ đồng”. Để thực hiện trót lọt hành vi lừa đảo, ngày 13/3/2020, Trần Thị H nhờ Nguyễn Văn Q và Trần Thị C là hai bị cáo trong vụ án này giúp H đóng giả là anh em ruột, đồng sở hữu với chủ căn nhà số 195 đường Biên Hòa, thành phố P từ Thái Nguyên về Phủ Lý để bán nhà, làm cho vợ chồng ông Ngô Trường S và bà Đỗ Thị Thoa tin là thật và giao số tiền 02 tỷ đồng để góp vốn cùng H. Sau khi lấy được tiền, H không mua căn nhà số 195 đường Biên Hòa như thỏa thuận mà chiếm đoạt 02 tỷ đồng tiêu sài cá nhân.



(4) Ngày 20/3/2020, Trần Thị H đưa ra các thông tin không có thật và rủ ông Ngô Trường S cùng mua căn nhà số 33, ngõ 156 đường L rồi chiếm đoạt của ông S số tiền 3 tỷ đồng.

(5) Ngày 25/3/2020, H tiếp tục đưa ra thông tin về việc chủ nhà số 51 phố Tân Khai, thành phố P muốn bán rồi thuê một người thanh niên (không xác định được lai lịch) đóng giả là chủ nhà để ông S tin tưởng đồng ý giao tiền rồi chiếm đoạt của ông S số tiền 1 tỷ 400 triệu đồng.

(6) Ngày 26/3/2020, H đưa ra thông tin không có thật về thửa đất ở mặt đường 42m thuộc phường L, thành phố P, rủ ông S góp tiền mua C rồi chiếm đoạt của ông S số tiền 800 triệu đồng.

Tổng số tiền Trần Thị H chiếm đoạt được của bà Lê Thị H, chị Trần Thị H và vợ chồng ông Ngô Trường S, bà Đỗ Thị Th là 8 tỷ 200 triệu đồng. Đến thời điểm xét xử phúc thẩm bị cáo vẫn chưa trả được cho bị hại một đồng nào. Với các hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự có hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù C thân là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3.2] Để thực hiện 02 hành vi lừa đảo vào ngày 25/10/2019 và 04/11/2019 bị cáo Trần Thị H đã dùng thủ đoạn lên mạng Internet liên hệ với đối tượng khác để làm giả 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BK 840340 và số CR 176065 làm công cụ, phương tiện phạm tội để thế chấp cho bà Lê Thị Hoa và chị Trần Thị Hoa vay tiền rồi chiếm đoạt của bà Lê Thị H ở số nhà 57, ngõ 144 đường L, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam 500 triệu đồng và chị Trần Thị H, trú tại tổ dân phố H, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam 500 triệu đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án bị cáo về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự, có hình phạt tù từ 03 năm đến 07 năm là chính xác, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo kêu oan của hai bị cáo Nguyễn Văn Q và Trần Thị C: Tại giai đoạn điều tra, truy tố các bị cáo Q, C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo Q, C trong các bản tự khai, biên bản lấy lời khai có sự tham gia của kiểm sát viên, của luật sư tại giai đoạn điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo H tại giai đoạn điều tra và các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, phù hợp lời khai những người bị hại, của người làm chứng, biên bản đối chất, phù hợp với vật chứng và kết luận giám định. Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Q, C không nhận tội và không công nhận các bản khai tại giai đoạn điều tra, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo C tiếp tục phản cung, cho rằng các bản khai đó có sự ép cung, không khách quan nhưng không đưa ra được các chứng cứ để chứng minh. Căn cứ lời khai của bị cáo Trần Thị H, của bị hại Ngô Trường S tại phiên tòa phúc thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ chứng cứ để kết luận:

Ngày 13/3/2020, Nguyễn Văn Q và Trần Thị C đã tiếp nhận ý chí của Trần Thị H để đóng giả là anh em ruột, là đồng sở hữu với chủ căn nhà số 195 đường Biên Hòa, thành phố P, giả vờ từ Thái Nguyên về Phủ Lý để bán nhà, nhận tiền của Trần Thị H là người mua. Tại nhà H vợ chồng ông S, bà Th đã trực tiếp giao số tiền 02 tỷ cho Q, C; phù hợp với hình ảnh ông S đã chụp lại lưu trong hồ sơ vụ

án; sau khi nhận tiền bị cáo Q viết giấy nhận tiền, nội dung giấy nhận tiền được thể hiện như sau: “Ngày 13/3/2020 Chúng tôi gồm 3 anh em đã nhận số tiền của cô Trần Thị H, số chứng minh 168488247, số tiền là 3 tỷ, đã nhận 1 tỷ chuyển khoản, T. Lành, Trần Văn Lành”; sau đó bị cáo C đã ký “Trần Thị C” vào giấy biên nhận tiền. Sau khi nhận tiền, Q cầm 2 tỷ đồng vừa nhận của ông S rồi cùng C đi về trước, khi H hỏi tiền, C đã đưa toàn bộ số tiền 2 tỷ đồng cho H. H đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên để tiêu sài cá nhân. Mặc dù Q, C không được hưởng lợi, nhưng từ các hành vi gian dối đóng giả là chủ sở hữu nhà, đếm tiền, ghi biên nhận, nhận tiền, mang tiền về nhà và giao lại tiền cho H để bị cáo H chiếm đoạt đã thể hiện vai trò đồng phạm của 02 bị cáo với vai trò giúp sức cho bị cáo H thực hiện và hoàn thành hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là số tiền 02 tỷ đồng của vợ chồng ông S, bà Th. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết án hai bị cáo Q, C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Với những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử đồng tình với kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội xác định 02 bị cáo không oan.

[5] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam về việc tăng hình phạt với 02 bị cáo Nguyễn Văn Q, Trần Thị C và kháng cáo của bị hại Ngô Trường S về việc tăng hình phạt với các bị cáo Trần Thị H, Nguyễn Văn Q, Trần Thị C:

[5.1] Đối với bị cáo Trần Thị H: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; quá trình điều tra đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra được cơ quan điều tra ghi nhận, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; ngày 06/8/2020, bị cáo H đến Công an tỉnh Hà Nam đầu thú, tại phiên tòa sơ thẩm người bị hại là ông S xin giảm nhẹ hình phạt là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự do phạm tội từ 02 lần trở lên (bị cáo đã thực hiện tội phạm lừa đảo đến 06 lần). Vì vậy, mức hình phạt 19 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng với bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là phù hợp. Với tội “Làm giả, sử dụng giấy tờ giả của cơ quan tổ chức” Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 04 năm tù là có căn cứ. Tổng hợp hình phạt, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 23 năm tù là không nhẹ. Do đó, Hội đồng xét xử đồng tình với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc không có căn cứ chấp nhận kháng cáo tăng nặng hình phạt chung của bị hại Ngô Trường S với bị cáo Trần Thị H.

[5.2] Đối với bị cáo Nguyễn Văn Q, Trần Thị C:

Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định: Cả hai bị cáo đều không có tiền án, tiền sự. Bị cáo Q, bị cáo C phạm tội lần đầu, vai trò là người giúp sức cho bị cáo H do bị rủ rê, lôi kéo và không được hưởng lợi là chính xác.

- Bị cáo Q là con liệt sĩ là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Bị cáo có bệnh án về trầm cảm, rối loạn cảm xúc lưỡng cực nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự (*Tòa án cấp sơ thẩm xác định là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là chưa đúng*). Do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức hình phạt 09 năm tù, là hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự, mức hình phạt đó cũng đủ nghiêm khắc với bị cáo và đáp ứng yêu cầu phòng, chống tội phạm. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam và kháng cáo của bị hại Ngô Trường S về việc tăng hình phạt với bị cáo Nguyễn Văn Q.

- Đối với bị cáo Trần Thị C: Bị cáo tuy nhân thân không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng không được hưởng bất cứ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức hình phạt 09 năm tù là hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là không đúng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam và kháng cáo của bị hại Ngô Trường S về việc tăng hình phạt với bị cáo Trần Thị C.

[6] Do kháng cáo không được chấp nhận nên hai bị cáo Nguyễn Văn Q, Trần Thị C phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trần Thị C về việc kêu oan; chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Ngô Trường S và một phần quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS-P2 ngày 09/8/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam về việc tăng hình phạt với bị cáo Trần Thị C và Nguyễn Văn Q.

2. Giữ nguyên quyết định về hình sự tại bản án hình sự sơ thẩm số 26/2021/HSST ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đối với bị cáo Trần Thị H và Nguyễn Văn Q:

2.1 Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174; điểm b khoản 3, khoản 4 Điều 341; Điều 17 đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Điều 38; Điều 50;

điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị H 19 (Mười chín) năm tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 04 (Bốn) năm về tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Thị H phải chấp hành hình phạt chung là 23 (Hai mươi ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 6/08/2020. Phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Thị H 35.000.000 (ba mươi năm triệu) đồng sung ngân sách Nhà nước.

2.2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 BLHS đối với bị cáo và Trần Thị C; điểm x, q khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Q.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 09 (Chín) năm tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án.

2.3. Sửa quyết định về hình sự đối với bị cáo Trần Thị C tại bản án hình sự sơ thẩm số 26/2021/HSST ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam như sau:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Thị C. Xử phạt bị cáo Trần Thị C 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án.

3. Về án phí phúc thẩm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn Q, Trần Thị C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Trại Tạm giam CA tỉnh Hà Nam;
- Công an tỉnh Hà Nam;
- Cục T.H.A DS tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo H (Qua TTG);
- Bị cáo Q, C (Theo địa chỉ);
- Lưu HS, VT, Phòng HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký)**

**Nguyễn Hải Thanh**